CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN QUẢN LÝ TÀI SẢN

BÊN UỶ QUYỀN (BÊN A):

Ông/Bà: ……, sinh năm: .....,

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ..... do …….. cấp ngày .....

Địa chỉ thường trú: .....

BÊN ĐƯỢC UỶ QUYỀN (BÊN B):

Ông/Bà: ……, sinh năm: .....,

Mr/Mrs: ……, Date of birth:……;

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: ..... do …….. cấp ngày .....

ID Card/Citizen ID/Passport No.: ……Issued by……Date:

Địa chỉ thường trú: .....

Address: ……..

Điện thoại: ……

Phone number: ……

Hai bên cùng nhau lập và ký bản Hợp đồng này nội dung cụ thể như sau:

The two parties together make and sign this Contract with the following details:

ĐIỀU 1/ *ARTICLE 1*

NỘI DUNG ỦY QUYỀN/ *CONTENT OF AUTHORIZATION*

Bên A đồng ý ủy quyền cho Bên B được toàn quyền thay mặt và nhân danh Bên A làm việc với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan, thực hiện mọi thủ tục pháp lý và ký các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc quản lý, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng xe máy.

ĐIỀU 2/ *ARTICLE 2*

PHẠM VI ỦY QUYỀN/ *SCOPE OF AUTHORIZATION*

Trong phạm vi ủy quyền, Bên B được thực hiện nội dung công việc về hành vi được ủy quyền, bao gồm nhưng không giới hạn như:

- Mua Hộ Xe Máy cho Người ủy quyền

ĐIỀU 3/ *ARTICLE 3*

THỜI HẠN ỦY QUYỀN/ *AUTHORIZATION PERIOD*

Thời hạn ủy quyền là …… kể từ ngày.....tháng.....năm.....

Authorization period is …… since …….....

ĐIỀU 4/ *ARTICLE 4*

THÙ LAO ỦY QUYỀN/ *REMUNERATION FOR AUTHORIZATION*

Hai bên tự thỏa thuận thù lao ủy quyền.

The parties shall mutually agree on the remuneration for the authorization.

ĐIỀU 5/ *ARTICLE 5*

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN ỦY QUYỀN

OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE AUTHORIZING PARTY

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây :

The Party A has the following obligations:

a. Giao Bất động sản và cung cấp thông tin, tài liệu, phương tiện cần thiết để Bên B thực hiện công việc được ủy quyền;

a. Giving the real estate and provide necessary information, documents and means for the Party B to perform the work;

b. Chịu trách nhiệm về những việc đã giao cho Bên B thực hiện;

b. Take responsibility for the tasks assigned to the Party B to perform;

c. Thanh toán cho Bên B các chi phí hợp lý khi thực hiện các việc được ủy quyền;

c. Pay the reasonable expenses for performing the authorized activities;

d. Trả thù lao cho Bên B với số tiền là…… (nếu có);

d. Pay for the authorized remuneration in the amount …… (if any);

2. Bên A có các quyền sau đây:

The Party A has the following rights:

a. Yêu cầu Bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc thuộc phạm vi ủy quyền.

a. Requesting the Party B to fully notify the work performance under the authorization scope.

b. Yêu cầu bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc ủy quyền, nếu không có thoả thuận khác.

b. Party B shall return to Party A any property and benefits obtained from the performance of the authorized tasks, unless otherwise agreed by the parties.

ĐIỀU 6/ *ARTICLE 6*

NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

OBLIGATIONS AND RIGHTS OF THE AUTHORIZED PARTY

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:

The Party B has the following obligations:

a. Bảo quản, giữ gìn các tài liệu, phương tiện đã được giao để thực hiện việc ủy quyền;

a. Keep the documents and means that have been assigned to perform the authorization;

b. Thực hiện công việc theo ủy quyền và báo cho Bên A về tiến độ và kết quả thực hiện;

b. Perform the work as authorized and notify the Party A about the implementation progress and results;

c. Giao cho Bên Bất động sản và các tài liệu, phương tiện nêu trên khi hết thời hạn ủy quyền.

c. Give the Party A the real estate and documents, means at the end of the authorization period.

2. Bên B có các quyền sau đây:

The authorized party has the following rights:

a. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu, phương tiện cần thiết để thực hiện công việc được ủy quyền;

a. Request the Party A to provide necessary information, documents and means to perform the authorized work;

b. Được thanh toán các chi phí hợp lý để thực hiện các việc được ủy quyền nêu trên và được nhận thù lao như đã thỏa thuận.

b. Be paid reasonable expenses to perform the authorized activities and receive remuneration as agreed.

ĐIỀU 7/ *ARTICLE 7*

PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

DISPUTE SETTLEMENT METHOD

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ủy quyền mà phát sinh tranh chấp, các bên cùng thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết. Các bên thống nhất Tòa án Nhân dân …….. là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp

In the course of performing this Power of Attorney, if any dispute arises, the parties shall negotiate in good faith based on the principle of mutual respect for each other's interests. If the negotiation fails, either party shall have the right to initiate legal proceedings at the competent court. The parties agree that the People's Court of …… shall have jurisdiction over the resolution of such disputes.

ĐIỀU 8/ ARTICLE 8

CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN/ *COMMITMENTS*

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cùng cam đoan sau đây:

The Party A and the Party B are responsible for the following commitments:

1. Việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hoặc ép buộc;

The conclusion of this Agreement is entirely voluntary and not subject to deception or coercion.

2. Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả những nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này.

Perform correctly and fully all the contents agreed in this contract.

ĐIỀU 9/ *ARTICLE 9*

ĐIỀU KHOẢN CHUNG*/ GENERAL TERMS*

1. Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình, ý nghĩa và hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng này;

The two parties clearly understood their rights, obligations and legitimate interests, the legal significance and consequences of entering into this Agreement;

2. Hai bên đã tự đọc lại hợp đồng này, đã hiểu và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong hợp đồng này;

The two parties have read this contract by themselves, have understood and agreed to all the terms of this contract;

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được các bên ký và đóng dấu.

This Agreement shall take effect from the date it is signed and sealed by the parties.

BÊN ỦY QUYỀN	**BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
THE AUTHORIZING PARTY	***THE AUTHORIZED PARTY***
(ký và ghi rõ họ và tên)	*(ký và ghi rõ họ và tên)*